

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ- ST

Ngày 06-3-2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

2. Bà Nguyễn Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ A, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trọng Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y (nay là Thành phố B), tỉnh Bắc Giang ngày 13/01/2010, sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay cùng gia đình anh Đ ở thôn P, xã L, huyện Y (nay là Thành phố B), tỉnh Bắc Giang.

Đến năm 2011, chị cùng gia đình nhà anh Đ chuyển vào thành phố B, tỉnh Đồng Nai để làm ăn và sinh sống. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng năm 2013 đến nay, nguyên nhân do anh chị không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm, anh Đ thường xuyên rượu chè không chịu làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau từ những chuyện chăm sóc con cái đến những việc nhỏ trong gia đình và chuyện kinh tế gia đình. Chị đã khuyên bảo anh Đ rất nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi. Bản thân anh chị đã có rất nhiều lần ngồi lại với nhau để dàn xếp chuyện vợ chồng nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên có biết việc anh chị xảy ra mâu thuẫn và có dàn xếp, khuyên bảo hai vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến năm 2014, do không chịu đựng được cuộc sống chung như vậy nên chị đưa con về nhà để ở thôn N, xã N, huyện L để sinh sống. Sau khi chị về nhà để ở thì anh Đ có khuyên chị quay về đoàn tụ, anh Đ có ra tận nơi để đoàn tụ cùng mẹ con chị, chị đã cho anh Đ cơ hội để thay đổi và anh Đ đã ở lại Bắc Giang cùng mẹ con chị được một thời gian nhưng vẫn không chịu làm ăn. Từ đó vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên anh Đ lại bỏ vào trong Đồng Nai. Vợ chồng cắt đứt liên lạc và ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh chị không thể tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng Đ.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thái P, sinh ngày 23/12/2010. Hiện nay con chung đang ở với chị, nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục được nuôi con chung vì hiện nay con chung đang ở cùng chị ổn định từ năm 2014 đến nay, việc học hành của con cũng đang ổn định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Chị đã được cán bộ Tòa án giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là để đảm bảo quyền lợi của con chung nhưng chị xác định bản thân chị đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân, lương tháng của chị là khoảng 12.000.000 đồng. Với mức lương như vậy thì chị đủ điều kiện để lo cho cuộc sống của con chung. Anh Đ hiện nay đang làm nghề tự do, thu nhập hàng tháng không ổn định nên việc cấp dưỡng nuôi con cũng gặp khó khăn.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, ruộng đất nông nghiệp*: Anh chị không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Lê Thị H không còn yêu cầu nào khác.

* *Theo bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Trọng Đ trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh kết hôn và cô Lê Thị H kết hôn với nhau vào tháng 01 năm 2010, trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang ngày

13/01/2010. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay tại xã L, huyện Y. Năm 2011, anh chị chuyển vào sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 01 con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2012 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Anh chị thường xuyên cãi nhau từ chuyện nuôi dạy con cái đến kinh tế gia đình. Bản thân anh chị đã ngồi lại với nhau để dàn xếp chuyện vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, việc của ai người đó làm. Năm 2014, cô H mang con về nhà đẻ ở xã N, huyện L sinh sống. Từ khi cô H bỏ về nhà đẻ ở anh đã nhiều lần gọi cô H quay về chung sống đoàn tụ nhưng cô H không đồng ý. Anh đã ra tận nơi để nói chuyện với cô H cùng gia đình nhà cô H với mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng cô H nhất quyết không đồng ý. Từ đó vợ chồng sống xa nhau, không quan tâm đến nhau nữa, thi thoảng anh có ra thăm con nhưng vợ chồng cũng không hàn gắn được tình cảm. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, dàn xếp cho anh chị nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung.

Anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên anh đồng ý ly hôn theo đề nghị của cô H, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và cô Lê Thị H được ly hôn,

- *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thái P, sinh ngày 23/12/2010. Hiện nay con chung đang sống cùng cô H. Nay ly hôn, anh đồng ý để cô H được tiếp tục nuôi con chung, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho cô H được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, anh và cô H tự thỏa thuận với nhau.

- *Về tài chung, công nợ chung*: Anh chị không có tài sản chung và không có công nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Nguyễn Trọng Đ không còn ý kiến nào khác.

- Ngày 03 tháng 02 năm 2025, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Trọng Đ có đơn xin vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Tại phiên tòa ngày 06 tháng 3 năm 2025, chị Lê Thị H và anh Nguyễn Trọng Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; **điểm a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trọng Đ.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thái P, sinh ngày 23/12/2010.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Lê Thị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Trọng Đ đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Trọng Đ có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giải quyết nên căn cứ vào **khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị H có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Trọng Đ và đề nghị giải quyết ly hôn và con chung nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Trọng Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang vào ngày 13/01/2010. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống anh phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do anh chị không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm, anh Đ thường xuyên rượu chè không chịu làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau từ những

chuyện chăm sóc con cái đến những việc nhỏ trong gia đình và chuyện kinh tế gia đình. Chị đã khuyên bảo anh Đ rất nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi.

Theo anh Đ thì mâu thuẫn vợ chồng do trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Anh chị thường xuyên cãi nhau từ chuyện nuôi dạy con cái đến kinh tế gia đình. Bản thân anh chị đã ngồi lại với nhau để dàn xếp chuyện vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị H được ly hôn với anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Chị H và anh Đ có con chung là Nguyễn Thái P, sinh ngày 23/12/2010. Hiện nay con chung đang ở cùng chị H. Nay ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục nuôi con chung, anh Đ đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi con chung, con chung có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng chị H.

Xét thấy: Đề nghị của chị H và anh Đ là tự nguyện, không bị ai ép buộc, phù hợp pháp luật, phù hợp đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do vậy, cần giao con chung là Nguyễn Thái P, sinh ngày 23/12/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình; sau khi vợ chồng ly hôn anh Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H và anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] *Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp*: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; **điểm a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trọng Đ.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thái P, sinh ngày 23/12/2010.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0004545 ngày 13/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận chị Lê Thị H đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Lãng Sơn, TP Bắc Giang;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Oanh